

Tiết 22, Bài 20 VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

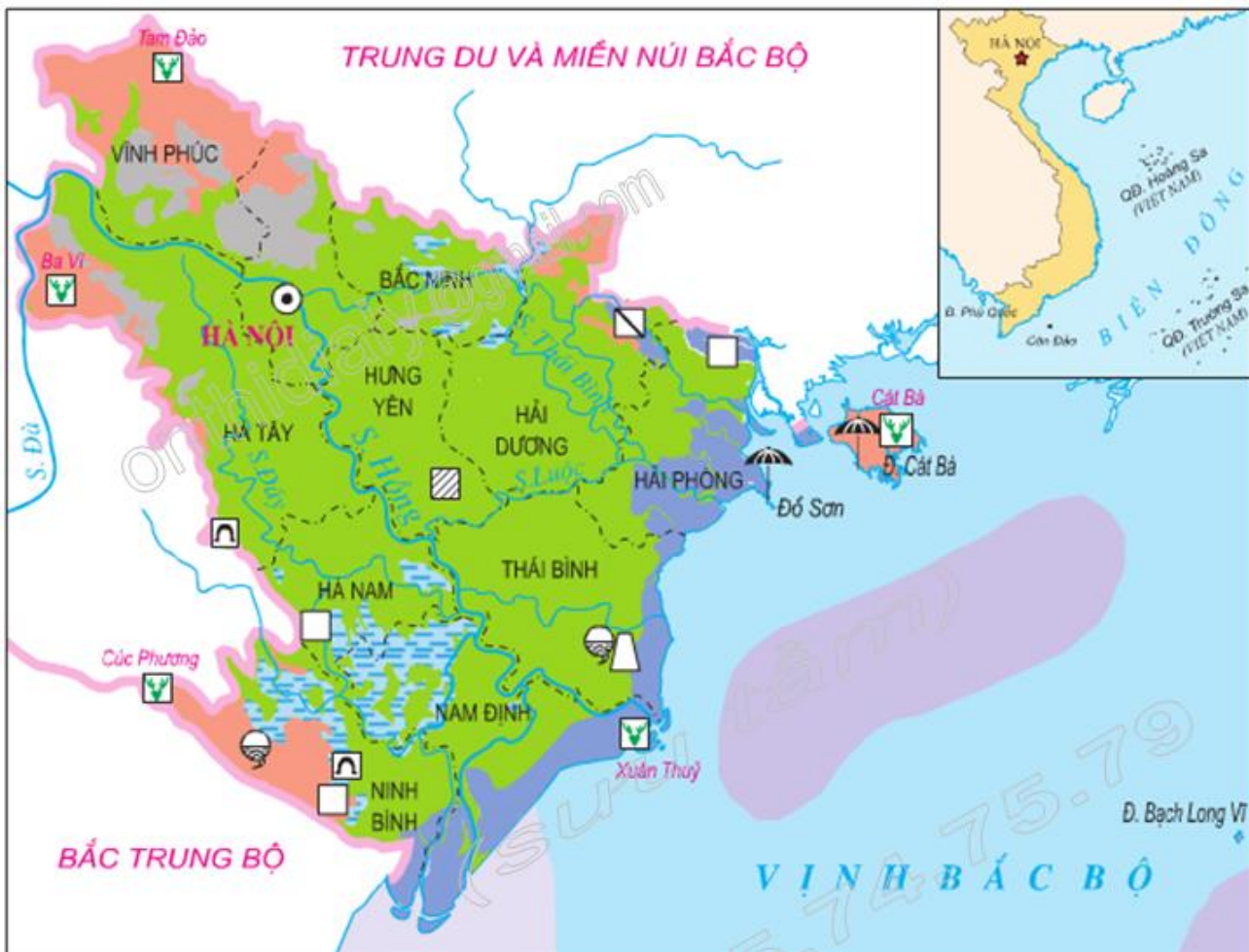
❖ HƯỚNG DẪN HS TÌM HIỂU BÀI

HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ

Hs đọc SGK phần 1 trang 71

Hs trình bày vị trí địa lí của vùng theo gợi ý sau:

- Diện tích?
- Gồm bao nhiêu tỉnh thành?
- Giáp với các vùng nào?
- Vị trí địa lí có gì đặc biệt?
- Ý nghĩa của vị trí địa lí?



Gợi ý:

- Diện tích: 14 860 km² là đồng bằng châu thổ lớn thứ hai của cả nước.
 - Phía bắc và tây bắc giáp: Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.
 - Phía đông giáp: Vịnh Bắc Bộ
 - Phía nam giáp: Vùng Bắc Trung Bộ
- ➔ Ý nghĩa: Thuận lợi cho giao lưu, trao đổi với các vùng khác và trên TG.

HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Đồng bằng sông Hồng

Hs đọc SGK trang 71, 72 kết hợp quan sát hình 20.1, cho biết:

- Quan sát lược đồ Hình 20.1, hãy trình bày đặc điểm tự nhiên của vùng? (đất, khí hậu, nguồn nước, tài nguyên biển...)

+ Đặc điểm tự nhiên ở đây có những thuận lợi gì?

+ Cho biết đặc điểm khí hậu của vùng.

+ Khí hậu có ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất nông nghiệp?

Gợi ý:

Đặc điểm: châu thổ sông Hồng bồi đắp, khí hậu nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh, nguồn nước dồi dào, chủ yếu là đất phù sa, có vịnh Bắc Bộ giàu tiềm năng.

+ Đất phù sa màu mỡ, điều kiện khí hậu, thủy văn thuận lợi cho thâm canh lúa nước.

+ Thời tiết mùa đông thuận lợi cho việc trồng 1 số cây ưa lạnh. Phát triển vụ đông thành vụ sản xuất chính.

- Quan sát H 20.1: Xác định nơi phân bố của một số loại khoáng sản? (sét, cao lanh, than nâu, khí tự nhiên...)

- Chúng được sử dụng vào ngành kinh tế nào?

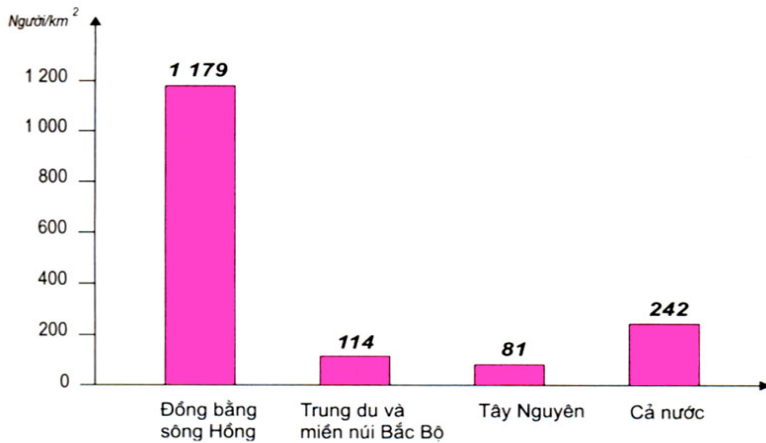
- Vùng ven biển và biển có những thuận lợi gì cho phát triển kinh tế?



-Tự nhiên của vùng có những khó khăn gì? (thiên tai, tài nguyên...)

HOẠT ĐỘNG 3: Tìm hiểu Đặc điểm dân cư, xã hội của vùng Đồng bằng sông Hồng

HS đọc thông tin SGK/73, 74 kết hợp quan sát hình dưới, cho biết:



Hình 20.2. Biểu đồ mật độ dân số của Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên, cả nước năm 2002.

- Tổng số dân?
- Cho biết đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao gấp bao nhiêu lần mức trung bình của cả nước, của các vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên?
- Dân cư ở đây có đặc điểm gì?
- Mật độ dân số cao ở đồng bằng sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế?

❖ NỘI DUNG BÀI HỌC (HS GHI VÀO VỞ)

Bài 20: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ

- Gồm 10 tỉnh thành phố.
- Diện tích: 14 860 km², là đồng bằng châu thổ lớn thứ hai của cả nước.
- Dân số: 21,2 triệu người (năm 2016)
- Tiếp giáp:
 - + Phía bắc và tây bắc giáp: Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.
 - + Phía đông giáp: Vịnh Bắc Bộ
 - + Phía nam giáp: Vùng Bắc Trung Bộ
- Ý nghĩa: Thuận lợi cho giao lưu, trao đổi với các vùng khác và trên TG.

II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

• Đặc điểm:

- + Châu thổ do sông Hồng bồi đắp.
- + Khí hậu nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh
- + Nguồn nước dồi dào
- + Chủ yếu là đất phù sa
- + Có vịnh Bắc Bộ giàu tiềm năng.

• Thuận lợi:

- + Đất phù sa màu mỡ, điều kiện khí hậu, thủy văn thuận lợi cho thâm canh lúa nước.
- + Thời tiết có mùa đông lạnh thuận lợi cho việc trồng một số cây ưa lạnh.
- + Một số khoáng sản có giá trị đáng kể (than nâu, đá vôi, khí tự nhiên...)
- + Vùng ven biển và biển thuận lợi cho nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, du lịch...

• Khó khăn:

- + Thiên tai (bão, lũ lụt, thời tiết thất thường), ít tài nguyên khoáng sản.

III. Đặc điểm dân cư, xã hội

• Đặc điểm:

- + Dân số đông, mật độ dân số cao nhất nước, nhiều lao động có kỹ thuật...

• Thuận lợi:

- + Dân số đông, mang lại nguồn lao động dồi dào cho phát triển kinh tế, nhất là những ngành cần nhiều lao động.
- + Thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- + Là cơ sở, thúc đẩy các hoạt động dịch vụ phát triển, đặc biệt là dịch vụ tiêu dùng.
- + Thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

• **Khó khăn:**

- + Dân số tăng quá nhanh trong khi nền kinh tế chưa phát triển mạnh, tạo sự kìm hãm phát triển kinh tế.
- + Vấn đề giải quyết việc làm cho lao động trở nên gay gắt, tình trạng thất nghiệp thiếu việc làm tăng cao.
- + Gây sức ép lên các vấn đề y tế, giáo dục, văn hóa – xã hội, nhà ở...
- + Ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên.

❖ **LUYỆN TẬP VÀ CÙNG CỎ**

Câu 2: SGK/75 Tâm quan trọng của hệ thống đê điều ở Đồng bằng sông hồng?

❖ **DẶN DÒ**

- Học bài.
- Làm bài tập 3: Vẽ biểu đồ cột và nhận xét (SGK/Trang 75).
- Chuẩn bị bài 21: Vùng đồng bằng sông Hồng (tiếp theo).
- Trả lời các câu hỏi Bài 21 (Sách bài tập thực hành)

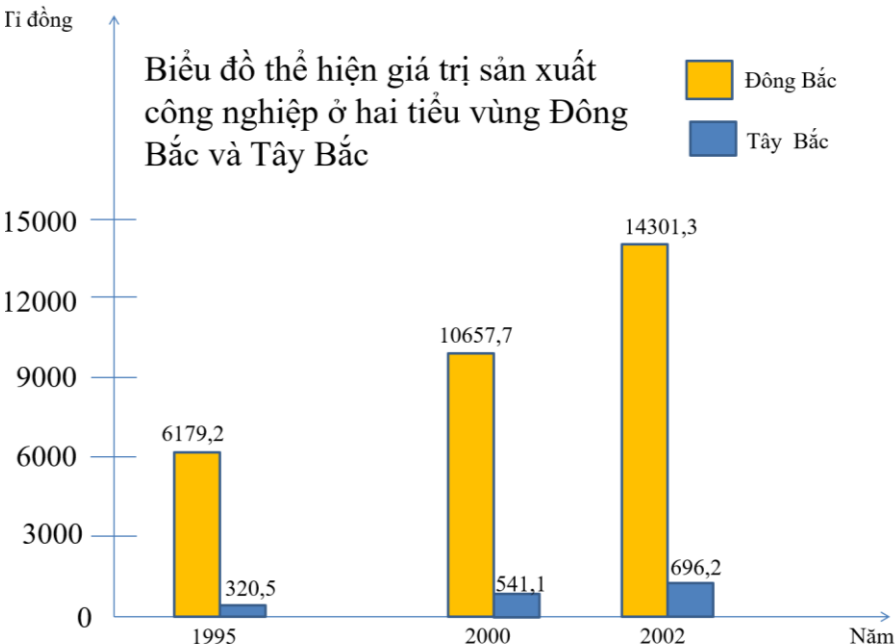
SỬA BÀI TẬP TUẦN 10

Bài 1:

- Đông Bắc: tập trung nhiều khoáng sản giàu có nhất nước ta, phong phú đa dạng, gồm cả KS phi kim và kim loại (than đá, sắt, chì, kẽm, thiếc, bô xít, apatit, pirit, đá xây dựng...).
- Tây Bắc: có nhiều sông lớn, chảy qua địa hình núi dốc hiểm trở nên có tiềm năng thủy điện lớn, đặc biệt là sông Đà (Thủy điện Sơn La, Hòa Bình).

Bài 3:

HS vẽ đúng theo yêu cầu (chia tỉ lệ 2000 hoặc 3000 tỉ đồng), chú ý khoảng cách năm



* Nhận xét:

Trong thời kì 1995 – 2002

- Giá trị sản xuất công nghiệp của hai tiểu vùng đều tăng, nhưng Đông Bắc tăng nhanh hơn Tây Bắc.
 - + Giá trị sản xuất công nghiệp Tây Bắc tăng gấp 2,17 lần; từ 320,5 tỉ đồng lên 696,2 tỉ đồng.
 - + Giá trị sản xuất công nghiệp Đông Bắc tăng gấp 2,31 lần; từ 6179,2 tỉ đồng lên 14301,3 tỉ đồng.
 - Giá trị sản xuất công nghiệp của Đông Bắc luôn cao hơn Tây Bắc, khoảng cách chênh lệch lớn và có xu hướng tăng lên.
 - + Năm 1995: giá trị sản xuất công nghiệp của Đông Bắc cao hơn gấp 20,48 lần Tây Bắc.
 - + Năm 2002: giá trị sản xuất công nghiệp của Đông Bắc cao hơn gấp 20,54 lần Tây Bắc.
- ⇒ Đông Bắc có trình độ công nghiệp hóa cao hơn và tốc độ phát triển công nghiệp nhanh hơn Tây Bắc.

Hết.